

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LANG CHÁNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày 01 tháng 6 năm 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Viết Tám

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hồng Thức

2. Ông Bùi Văn Hải

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Đinh Văn Len - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Vi Thị Tr, sinh năm 1995

Địa chỉ: Bản CP, xã LP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Hà Văn D, sinh năm 1993

Địa chỉ: Bản CP, xã LP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 21/11/2022, được bổ sung trong bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Vi Thị Tr trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hà Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã LP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa và được UBND xã LP cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày

10/4/2013. Trong quá trình chung sống vợ chồng làm thất lạc Giấy chứng nhận kết hôn nên được cấp lại bản sao Trích lục kết hôn số 41/TLKH-BS ngày 21/11/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D không quan tâm vợ con, không tu chí làm ăn, thường xuyên tụ tập rượu chè say xỉn về chửi bới vợ con. Tình trạng trên kéo dài làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Hai bên gia đình đã động viên khuyên giải nhưng anh D không thay đổi. Đến cuối năm 2017 chị và anh D ly thân, kể từ đó đến nay không ai quan tâm ai. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh D, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con: Chị và anh Hà Văn D có 02 con chung là cháu Hà Hoài A, sinh ngày 12/5/2013 và cháu Hà Hoàng D1, sinh ngày 16/02/2015. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cả cháu A và cháu D1 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị Vi Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Hà Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên hòa giải và triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng anh D đều vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, không có lý do.

Tại phiên tòa, Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”; nơi cư trú của bị đơn tại huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai bị đơn là anh Hà Văn D vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Vi Thị Tr và bản sao Trích lục kết hôn số 41/TLKS-BS ngày 21/11/2022 do UBND xã LP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa cấp, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vi Thị Tr và anh Hà Văn

D là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị Vi Thị Tr, Hội đồng xét xử thấy: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, chị Tr đều có nguyện vọng được ly hôn anh Hà Văn D.

Xét mâu thuẫn vợ chồng, thấy: Căn cứ lời trình bày của chị Tr phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú của các đương sự thì giữa chị Tr và anh D thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Tr và anh D đi làm ăn xa, mỗi người một nơi vợ chồng không có thời gian gần gũi chia sẻ với nhau; anh D lại không quan tâm vợ con, không tu chí làm ăn mà thường xuyên tụ tập rượu chè say xỉn rồi về chửi bới vợ con. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả; vợ chồng đã có thời gian dài ly thân nhưng tình cảm không được cải thiện. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D không đến Tòa án tham gia hòa giải giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị Tr và anh D không còn, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr, quyết định cho chị Tr được ly hôn anh D.

[5] Về con: Căn cứ lời trình bày của chị Vi Thị Tr và bản sao Giấy khai sinh của cháu A, cháu D1, đủ cơ sở xác định: Các cháu Hà Hoài A, sinh ngày 12/5/2013 và Hà Hoàng D1, sinh ngày 16/02/2015 là con chung của chị Tr và anh D.

Xét nguyện vọng của chị Vi Thị Tr, thấy: Chị Tr có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả cháu A và cháu D1, nguyện vọng của chị Tr là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để xem xét. Xét về điều kiện nuôi con của chị Tr, anh D thấy: Căn cứ lời trình bày của chị Tr phù hợp với kết quả xác minh tại nơi cư trú của vợ chồng thì từ khi chị Tr và anh D ly thân đến nay, các cháu A và cháu D1 ở cùng anh D và bà nội của các cháu, nhưng anh D không tu trí làm ăn mà thường xuyên rượu chè say xỉn, bà nội các cháu đã già yếu (63 tuổi); chị Tr có việc làm và thu nhập ổn định, có điều kiện kinh tế, thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo điều kiện để các cháu phát triển tốt nhất về mọi mặt. Các cháu A và cháu D1 đã trên 7 tuổi đều có nguyện vọng được ở với chị Tr. Như vậy, để cháu A, cháu D1 có điều kiện phát triển một cách tốt nhất về mọi mặt, nên giao các cháu cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét về việc cấp dưỡng nuôi con, thấy: Giữa chị Tr và anh D không có thoả thuận về việc cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, để chị Tr có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A và cháu D1 một cách tốt nhất thì anh D phải có trách nhiệm cấp dưỡng để cùng chị Tr nuôi con chung. Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng, chị Tr không cung cấp được chứng cứ chứng minh thu nhập của anh D. Vì vậy, căn cứ vào mức thu nhập bình quân của lao động phổ thông và nhu cầu thiết yếu trung bình của các cháu ở địa phương thì anh D phải cấp dưỡng cho cháu A và cháu D1 mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng, cả hai cháu là 2.000.000 đồng/

tháng là phù hợp, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2023 cho đến khi cháu A, cháu D1 đủ 18 tuổi. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản: Chị Vi Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Vi Thị Tr là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; Anh Hà Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, các điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Vi Thị Tr được ly hôn anh Hà Văn D.

Về con: Giao các cháu Hà Hoài A, sinh ngày 12/5/2013 và Hà Hoàng D1, sinh ngày 16/02/2015 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng; anh D cấp dưỡng cho cháu A và cháu D1 mỗi cháu 1.000.000đ (*Một triệu đồng*)/tháng, cả hai cháu là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng kể từ tháng 6/2023 đến khi cháu A, cháu D1 đủ 18 tuổi. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số AA/2021/0015744 ngày 04/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh. Chị Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn Vi Thị Tr; vắng mặt bị đơn Hà Văn D. Chị Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- UBND xã LP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng KTNV và THAHS;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Viết Tám

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA